| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ A DƠI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 412 /BC-UBND | *A Dơi, ngày 18 tháng 11 năm 2026* |

# BÁO CÁO
## Kết quả rà soát, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Kế hoạch thanh tra năm 2027

Thực hiện Công văn số 3128/TTr-VP ngày 04/11/2026 của Thanh tra tỉnh về việc khảo sát, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Kế hoạch thanh tra năm 2027, trên cơ sở rà soát và tổng hợp thông tin của các cơ quan, đơn vị, UBND xã A Dơi báo cáo kết quả như sau:

## I. CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ DÔI DƯ

### 1. Về mô hình tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp

- Xã A Dơi được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã A Dơi, Ba Tầng và Xy theo Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chính thức hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025.

- Sau khi thành lập, xã đã kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, phân công nhiệm vụ để duy trì hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết công việc của người dân, tổ chức.

- Cơ cấu tổ chức gồm Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã; 03 phòng chuyên môn là Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội và 01 Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- UBND xã có 07 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, gồm 05 đơn vị sự nghiệp giáo dục, Trạm Y tế xã A Dơi và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã. Danh sách đơn vị, biên chế được giao, hiện có và số lượng cấp phó được tổng hợp tại Biểu số 17 kèm theo.

- UBND xã đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị tại các quyết định: số 01/2025/QĐ-UBND, số 02/2025/QĐ-UBND và số 03/2025/QĐ-UBND cùng ngày 29/7/2025 lần lượt đối với Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Văn hóa - Xã hội; số 04/2025/QĐ-UBND đối với Phòng Kinh tế; số 870/QĐ-UBND ngày 30/9/2026 đối với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và số 461/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 đối với Trạm Y tế xã A Dơi.

Các cơ quan, đơn vị được phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm; phối hợp tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm hoạt động của chính quyền xã liên tục, thông suốt.

### 2. Về phân công nhiệm vụ và thực hiện quy chế làm việc

- UBND xã đã ban hành Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 về Quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2026-2031 và Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 về phân công nhiệm vụ thành viên UBND xã nhiệm kỳ 2026-2031.

- Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc đã phân công nhiệm vụ trong nội bộ, xác định trách nhiệm của lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động theo vị trí công tác, lĩnh vực được giao.

- UBND xã duy trì các phiên họp, giao ban, chế độ thông tin, báo cáo; kiểm tra tiến độ và chỉ đạo giải quyết những vấn đề phát sinh, tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

**3. Về bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và nhân sự dôi dư**

- Khối cán bộ, công chức: được giao 32 biên chế, hiện có 32 người; gồm Hội đồng nhân dân xã 03 người, lãnh đạo UBND xã 03 người, Văn phòng HĐND và UBND xã 07 người, Phòng Kinh tế 06 người, Phòng Văn hóa - Xã hội 07 người và Trung tâm Phục vụ hành chính công 06 người.

- Theo báo cáo của Trung tâm Phục vụ hành chính công, số nhân sự đang thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm là 06 người, gồm 01 Giám đốc và 05 chuyên viên.

- Khối đơn vị sự nghiệp: tổng số người làm việc được giao và hiện có là 282 người, trong đó:

+ Các đơn vị sự nghiệp giáo dục: được giao 252 người, hiện có 252 người, gồm Trường Mầm non A Dơi 49 người, Trường Mầm non Ba Tầng 36 người, Trường TH&THCS Xy 44 người, Trường TH&THCS A Dơi 49 người và Trường PTDTBT TH&THCS Ba Tầng 74 người.

+ Trung tâm Dịch vụ tổng hợp: được giao 06 người, hiện có 06 người; trong đó 04 chỉ tiêu hưởng lương ngân sách và 02 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

+ Trạm Y tế xã A Dơi: được giao 24 người, hiện có 24 người.

- Theo Biểu số 17, các cơ quan, đơn vị không có cán bộ, công chức dôi dư. Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, UBND xã thực hiện bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách theo quy định.

## II. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH UBND XÃ TRONG CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO; THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN

**1. Tình hình tiếp công dân, kết quả xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh phát sinh trên địa bàn**

- UBND xã duy trì tiếp công dân thường xuyên, tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND xã; tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo thẩm quyền.

- Tổng số lượt tiếp công dân: 07 lượt, với 08 người, 07 vụ việc; không có

đoàn đông người.

- Chủ tịch UBND xã bố trí tiếp công dân 44 ngày; số lượt tiếp trực tiếp là 05 lượt, ủy quyền 02 lượt.

- Không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo; tiếp nhận 07 đơn kiến nghị, phản ánh, đã giải quyết xong 07/07 đơn, không có đơn quá hạn.

*(Chi tiết tại Biểu số 18 kèm theo)*

**2. Các vụ việc phức tạp, kéo dài hoặc được dư luận, báo chí phản ánh**

Trong kỳ báo cáo, UBND xã không có vụ việc phức tạp, kéo dài hoặc được dư luận, báo chí quan tâm.

**3. Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước**

Qua rà soát, từ ngày 01/7/2025 đến nay, UBND xã không có kết luận thanh tra, kết luận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước phải tổ chức thực hiện. Do đó, không phát sinh nội dung phải thực hiện, thu hồi tài sản, xử lý trách nhiệm hoặc các nội dung chậm thực hiện; không có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

*(Chi tiết tại Biểu số 19 kèm theo)*

## III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH XÃ

**1. Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước cấp xã; tình hình thu, chi tài chính, các nguồn quỹ, nguồn kinh phí khác và tình hình tài chính tại các đơn vị trực thuộc**

UBND xã thực hiện giao, phân bổ và điều chỉnh dự toán theo nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; theo dõi thu, chi, đối chiếu số liệu với Kho bạc Nhà nước và tổng hợp quyết toán.

Năm 2025, tổng thu ngân sách địa phương được hưởng là 206.621.343.163 đồng; tổng chi từ ngày 01/7 đến ngày 31/12/2025 là 165.446.990.176 đồng (gồm chi chuyển nguồn và đã tách số chi của các xã cũ đến ngày 30/6/2025). Đến ngày 11/11/2026, tổng dự toán chi được sử dụng là 216.970.707.533 đồng, lũy kế chi là 175.785.330.207 đồng.

*(Chi tiết tại Biểu số 20 kèm theo)*

**2. Quản lý, giải ngân kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản**

Danh mục có 24 công trình, nhiệm vụ có khối lượng phát sinh từ ngày 01/7/2025, gồm 13 công trình, nhiệm vụ thuộc danh mục vốn đầu tư năm 2026 do Văn phòng HĐND và UBND xã làm chủ đầu tư; 10 công trình sửa chữa từ vốn sự nghiệp năm 2025 do Văn phòng thực hiện và 01 công trình sửa chữa, bảo dưỡng từ vốn sự nghiệp năm 2026 do Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã thực hiện. Nguồn vốn gồm vốn XDCB ngân sách xã quản lý, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn năm 2025 kéo dài sang năm 2026 và vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia.

*(Chi tiết tại Biểu số 21 kèm theo)*

## IV. CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CƠ CHẾ "LUỒNG XANH", PHÒNG, CHỐNG LỪA ĐẢO CHIẾM ĐOẠT TÀI SẢN VÀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

### 1. Thực hiện cơ chế "luồng xanh" trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công

- UBND xã công khai danh mục thủ tục hành chính (TTHC), danh mục dự án thuộc cơ chế "Luồng xanh 24 giờ" và "Luồng xanh 60%" tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; công khai đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị theo Thông báo số 1536/TB-UBND ngày 13/10/2026.

- Trong kỳ báo cáo, không phát sinh hồ sơ thuộc các dự án trong danh mục áp dụng hai cơ chế nêu trên theo phụ lục kèm Công văn số 4832/UBND-HCC ngày 03/10/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Do không phát sinh hồ sơ thuộc đối tượng áp dụng, chưa có cơ sở đánh giá kết quả giải quyết hồ sơ cụ thể theo cơ chế "Luồng xanh".

### 2. Việc triển khai dịch vụ hành chính công, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã

Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện tiếp nhận, hướng dẫn, số hóa hồ sơ, theo dõi, đôn đốc giải quyết và trả kết quả TTHC. Việc tiếp nhận, giải quyết được thực hiện trên hệ thống thông tin của tỉnh và các bộ, ngành, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và phối hợp với các phòng chuyên môn.

Trung tâm công khai TTHC, phí, lệ phí, mã QR tra cứu, đường dây nóng và danh sách công chức; bố trí bàn hướng dẫn, hỗ trợ người dân, chú trọng đối tượng yếu thế. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động; thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin đối với thiết bị kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm. Công chức thực hiện nội quy, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử, văn hóa công sở; tăng cường hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu kết quả và thanh toán trực tuyến.

#### a) Kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/10/2026

Trong kỳ báo cáo (từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/10/2026), UBND xã đã tiếp đón trên 4.000 lượt công dân đến liên hệ thực hiện TTHC. Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 6.408 hồ sơ; trong đó, tiếp nhận trong kỳ 6.408 hồ sơ, kỳ trước chuyển sang 0 hồ sơ. Kết quả cụ thể như sau:

- Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp: 1.281/6.408 hồ sơ, chiếm 20%.

- Hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến: 5.122/6.408 hồ sơ, chiếm 80%; trong đó, trực tuyến toàn trình 520/6.408 hồ sơ, chiếm 8,11%; trực tuyến một phần

4.607/6.408 hồ sơ, chiếm 71,89%.

- Hồ sơ đã giải quyết, trả kết quả đúng hạn: 6.384/6.408 hồ sơ, chiếm 99,6%.

- Hồ sơ đang giải quyết: 01 hồ sơ.

- Hồ sơ trễ hẹn: 24/6.408 hồ sơ, chiếm 0,4%.

- Tình hình số hóa hồ sơ: tỷ lệ số hóa đầu vào đạt 99%; số hồ sơ đã số hóa kết quả giải quyết là 5.941/6.408 hồ sơ, đạt 93%. Có 467 hồ sơ chưa thực hiện số hóa kết quả và 52 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết.

- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 4.009/5.209 hồ sơ, đạt 77%.

- Trong kỳ báo cáo, không phát sinh phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc giải quyết TTHC và quy định hành chính.

**b) Kết quả thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính**

Trong kỳ báo cáo năm 2026, Trung tâm đã tiếp nhận và giải quyết 63 hồ sơ theo phương thức không phụ thuộc địa giới hành chính, chủ yếu là thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính. Việc triển khai đã tạo thuận lợi cho người dân, giảm thời gian và chi phí đi lại, nhất là đối với người đang sinh sống, học tập hoặc làm việc ngoài địa bàn cư trú; đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả cải cách TTHC và phát huy hiệu quả của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, các cơ sở dữ liệu dùng chung trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ.

**c) Kết quả tiếp nhận TTHC qua Kiosk**

- Tổng số hồ sơ trực tuyến tiếp nhận trong kỳ: 5.127 hồ sơ.

- Tổng số hồ sơ nộp qua Hệ thống Kiosk: 54 hồ sơ; trong đó:

+ Nộp đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: 40 hồ sơ.

+ Nộp đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Y tế: 26 hồ sơ.

+ Nộp đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Tư pháp: 14 hồ sơ.

- Các TTHC phát sinh hồ sơ qua Kiosk gồm: chứng thực bản sao từ bản chính; liên thông đăng ký khai sinh cho trẻ dưới 06 tuổi; đăng ký khai tử; đăng ký kết hôn; cấp bản sao trích lục hộ tịch; các thủ tục thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội.

**d) Kết quả triển khai cơ chế "Luồng xanh"**

- UBND xã đã công khai danh mục TTHC, danh mục dự án thuộc cơ chế "Luồng xanh 24 giờ" và "Luồng xanh 60%" tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã; đồng thời công khai đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về giải quyết TTHC theo cơ chế "Luồng xanh" theo Thông báo số 1536/TB-UBND ngày 13/10/2026 của UBND xã A Dơi.

- Trong kỳ báo cáo, UBND xã đã tổ chức tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định. Tuy nhiên, không phát sinh hồ sơ thuộc các dự án trong danh mục áp dụng cơ chế "Luồng xanh 24 giờ" và "Luồng xanh 60%" theo phụ lục kèm theo Công văn số 4832/UBND-HCC ngày 03/10/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, chưa có cơ sở đánh giá kết quả giải quyết hồ sơ cụ thể theo hai cơ chế nêu trên.

**e) Khó khăn, hạn chế và nhiệm vụ khắc phục**

Một bộ phận người dân tại các thôn, bản vùng sâu, vùng xa còn hạn chế về kỹ năng sử dụng thiết bị thông minh, tài khoản định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến. Hạ tầng viễn thông, đường truyền Internet ở một số khu vực chưa ổn định; việc đồng bộ dữ liệu, cập nhật trạng thái hồ sơ giữa hệ thống của tỉnh, bộ, ngành và Cổng điều phối quốc gia có thời điểm chưa kịp thời. Công tác phối hợp xử lý, cập nhật kết quả một số hồ sơ còn chậm.

Thời gian tới, tiếp tục rà soát, công khai, đề xuất đơn giản hóa TTHC; nâng cao chất lượng hướng dẫn, số hóa, thanh toán trực tuyến và tái sử dụng dữ liệu; duy trì hiệu quả Kiosk. Tăng cường kiểm tra, phân công trách nhiệm, đôn đốc hồ sơ sắp đến hạn, quá hạn và cập nhật kết quả trên hệ thống; chấn chỉnh việc yêu cầu bổ sung hồ sơ không đúng quy định, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

**3. Số hóa tài liệu lưu trữ, làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu**

- Về tài liệu lưu trữ: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 1626/KH-UBND ngày 24/10/2026 triển khai Chiến dịch "100 ngày đêm cao điểm chuẩn hóa, số hóa tài liệu tồn đọng". Khối lượng cần xử lý khoảng 65 mét giá tài liệu, chủ yếu hình thành tại các xã cũ trước khi sắp xếp. Xã đang phân loại, chỉnh lý, chuẩn hóa và số hóa, thời hạn hoàn thành trước ngày 30/01/2027.

- Về dữ liệu đất đai: đến ngày 16/11/2026, đã làm sạch, chuẩn hóa 9.782/9.990 thửa đất, đạt khoảng 97,9%.

**4. Công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

- UBND xã giao Công an xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nắm tình hình, quản lý địa bàn, tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác tội phạm theo thẩm quyền.

- UBND xã chỉ đạo các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với Công an xã tăng cường tuyên truyền, cảnh báo các phương thức, thủ đoạn lừa đảo, nhất là lừa đảo trên không gian mạng, giả danh cơ quan nhà nước, lực lượng Công an, ngân hàng và người thân để chiếm đoạt tài sản; hướng dẫn Nhân dân nâng cao cảnh giác, bảo vệ thông tin cá nhân, tài khoản ngân hàng và kịp thời trình báo khi phát hiện dấu hiệu vi phạm. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh và các kênh thông tin chính thức của địa phương.

**5. Công tác phối hợp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố**

- UBND xã quan tâm chỉ đạo công tác phòng, chống khủng bố gắn với bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giao Công an xã và các cơ quan, đơn vị liên quan nắm tình hình, rà soát địa bàn, trao đổi thông tin, phối hợp xử lý vấn đề phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ.

- Thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg, Công văn số 3831/TTCP-C.VI và Công văn số 4721/UBND-TH, UBND xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên

quan phối hợp tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố; nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác phòng ngừa, phát hiện và kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu liên quan đến hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố.

- Trong kỳ báo cáo, trên địa bàn xã chưa phát hiện, chưa tiếp nhận thông tin về vụ việc có dấu hiệu liên quan đến hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố; không phát sinh vụ việc phải xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

## V. ĐỀ XUẤT NHU CẦU THANH TRA NĂM 2027

- Qua rà soát các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND xã và tổng hợp ý kiến của các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị liên quan, đến thời điểm báo cáo chưa phát hiện lĩnh vực nổi cộm, vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc tồn tại, vướng mắc kéo dài cần đề xuất thanh tra trong năm 2027.

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng Kế hoạch thanh tra năm 2027 của UBND xã A Dơi, kính gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp./.

***Nơi nhận:***
- Thanh tra tỉnh;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Trần Trọng Kim**

**Biểu số 17**

# THỐNG KÊ CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY VÀ NHÂN SỰ CẤP XÃ

*(Từ 01/7/2025 đến nay)*

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND xã A Dơi)*

| STT | Tên bộ phận/đơn vị trực thuộc | Biên chế được giao | Biên chế hiện có | Cán bộ, công chức dôi dư | Số lượng cấp phó (theo thực tế) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 01 | Hội đồng nhân dân xã | 3 | 3 | 0 | 1 | |
| 02 | Lãnh đạo UBND xã | 3 | 3 | 0 | 2 | |
| 03 | Văn phòng HĐND và UBND xã | 7 | 7 | 0 | 1 | |
| 04 | Phòng Kinh tế | 6 | 6 | 0 | 1 | |
| 05 | Phòng Văn hóa - Xã hội | 7 | 7 | 0 | 1 | |
| 06 | Trung tâm Phục vụ hành chính công | 6 | 6 | 0 | 0 | |
| 07 | Trường Mầm non A Dơi | 49 | 49 | 0 | 2 | |
| 08 | Trường Mầm non Ba Tầng | 36 | 36 | 0 | 2 | |
| 09 | Trường TH&THCS Xy | 44 | 44 | 0 | 2 | |
| 10 | Trường TH&THCS A Dơi | 49 | 49 | 0 | 2 | |
| 11 | Trường PTDTBT TH&THCS Ba Tầng | 74 | 74 | 0 | 2 | |
| 12 | Trạm Y tế xã A Dơi | 24 | 24 | 0 | 1 | |
| 13 | Trung tâm Dịch vụ tổng hợp | 6 | 6 | 0 | 1 | Trong đó 04 chỉ tiêu hưởng lương ngân sách, 02 người làm việc hưởng lương nguồn thu sự nghiệp |
| | **Tổng cộng** | **314** | **314** | **0** | **18** | **32 cán bộ, công chức; 282 người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp.** |

**Biểu số 18**

# THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TIẾP CÔNG DÂN, ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ VỤ VIỆC PHỨC TẠP, KÉO DÀI

*(Từ 01/7/2025 đến nay)*

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND xã A Dơi)*

Đơn vị báo cáo: UBND xã A Dơi

| TT | Nội dung thống kê | Tổng số lượt/đơn tiếp nhận | Số vụ việc/đơn thuộc thẩm quyền | Đã giải quyết xong | Đang giải quyết/Quá hạn | Ghi chú (nêu rõ vụ việc phức tạp, kéo dài) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| 1 | Tiếp công dân (thường xuyên/định kỳ) | 7 | 7 | 7 | 0 | 08 người, 07 vụ việc; Chủ tịch bố trí tiếp 44 ngày; 05 lượt trực tiếp, 02 lượt ủy quyền; không có đoàn đông người. |
| 2 | Đơn khiếu nại | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Đơn tố cáo | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | Đơn kiến nghị, phản ánh | 7 | 7 | 7 | 0 | Đã giải quyết 07/07 đơn; không có đơn quá hạn. |

**Biểu số 19**

# TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA, KIỂM TRA VÀ KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

*(Từ 01/7/2025 đến nay)*

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND xã A Dơi)*

| STT | Tên Kết luận/Kiến nghị | Cơ quan ban hành | Nội dung phải thực hiện | Đã thực hiện xong | Chưa thực hiện xong (lý do) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Không phát sinh | 0 | 0 | 0 | 0 | Theo nội dung báo cáo tổng hợp: không có kết luận, kiến nghị phải thực hiện từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm báo cáo. |

**Biểu số 20**

# TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ CÁC NGUỒN KHÁC

*(Từ 01/7/2025 đến 31/12/2025 và năm 2026)*

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND xã A Dơi)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT | Tên đơn vị/bộ phận quản lý | Tổng thu | | Tổng chi | | Ghi chú (nêu rõ nguồn thu/mục đích chi chính) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm 2025 | Năm 2026 (*) | Năm 2025 | Năm 2026 (*) | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **UBND xã A Dơi** | | | | | | |
| **I** | **Tổng thu ngân sách trên địa bàn** | **206.621** | **180.338** | | | |
| | Trong đó thu nội địa | **228** | **509** | | | |
| | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | **205.032** | **179.729** | | | |
| | Thu kết dư ngân sách | **130** | | | | |
| | Thu chuyển nguồn NS năm trước chuyển sang | **1.231** | **100** | | | |
| | Thu các khoản đóng góp | **0** | | | | |
| **II** | **Tổng chi ngân sách địa phương** | **206.621** | **216.971** | **165.447** | **175.785** | **Thu chi năm 2026 thời điểm đến 11/11/2026** |
| | Các khoản chi trong cân đối ngân sách địa phương, trong đó: | 206.621 | 201.465 | **91.558** | **168.231** | |
| | Chi đầu tư phát triển | | 3.432 | 0 | 3.259 | |
| | Chi thường xuyên | **114.443** | **198.033** | 91.558 | 164.972 | |
| | Chi các chương trình mục tiêu | **76.236** | **15.506** | **57.946** | **7.554** | |
| | Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau | **15.942** | | **15.942** | | |
| **Cụ thể như sau:** | | | | | | |
| **1** | **Các đơn vị dự toán** | **165.247** | **211.572** | **165.247** | **171.167** | |
| 1.1 | Văn phòng Đảng ủy xã | 3.997 | 8.337 | 3.997 | 7.146 | |
| 1.2 | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã | 4.792 | 7.593 | 4.792 | 5.358 | |

| TT | Tên đơn vị/bộ phận quản lý | Tổng thu | | Tổng chi | | Ghi chú (nêu rõ nguồn thu/mục đích chi chính) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm 2025 | Năm 2026 (*) | Năm 2025 | Năm 2026 (*) | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1.3 | Văn phòng HĐND và UBND xã | 29.490 | 27.090 | 29.490 | 18.301 | |
| 1.4 | Phòng Kinh tế | 3.133 | 7.008 | 3.133 | 3.152 | |
| 1.5 | Phòng Văn hóa - Xã hội | 27.910 | 52.060 | 27.910 | 43.711 | |
| 1.6 | Trung tâm Phục vụ Hành chính công | 1.047 | 1.696 | 1.047 | 1.405 | |
| 1.7 | Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã | 145 | 3.180 | 145 | 1.780 | |
| 1.8 | Trường Mầm non Ba Tầng | 11.440 | 12.368 | 11.440 | 10.596 | |
| 1.9 | Trường Mầm non A Dơi | 16.680 | 17.782 | 16.680 | 16.390 | |
| 1.10 | Trường PTDTBT TH và THCS Ba Tầng | 29.383 | 31.334 | 29.383 | 26.020 | |
| 1.11 | Trường Tiểu học và THCS A Dơi | 18.642 | 18.918 | 18.642 | 16.976 | |
| 1.13 | Trường Tiểu học và THCS Xy | 16.224 | 16.800 | 16.224 | 15.172 | |
| 1.14 | Trạm Y tế xã A Dơi | | 7.405 | | 5.160 | |
| 1.15 | Chi chuyển nguồn chưa phân chi tiết theo đơn vị | 2.364 | | 2.364 | | |
| **2** | **Số các xã cũ đã chi đến 30/6/2025** | **41.174** | | **41.174** | | |
| **3** | **Đơn vị được hỗ trợ kinh phí** | 200 | 5.399 | 200 | 4.619 | |
| 3.1 | Đồn Biên phòng Ba Tầng | 100 | | 100 | | |
| 3.2 | Công an xã | 100 | 1.003 | 100 | 407 | |
| 3.3 | Ban chỉ huy quân sự xã, Đồ BP Ba Tầng (mã đơn vị 1053630) | | 4.386 | | 4.202 | |
| 3.4 | Trường THPT A Túc | | 10 | | 10 | |

*(*) Số liệu năm 2026 đến ngày 11/11/2026.*

**Biểu số 21**

**DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH XDCB DO UBND XÃ VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Có khối lượng phát sinh từ 01/7/2025)*

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND xã A Dơi)*

| TT | Chủ đầu tư/Tên công trình, dự án | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | Nguồn vốn | Thời gian thực hiện | Khối lượng/giá trị phát sinh từ 01/7/2025 | Tình trạng hiện tại (đang thi công/đã quyết toán/ngừng thi công) | Đã quyết toán hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành (tháng/năm) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| **I** | **UBND xã làm chủ đầu tư** | **21.531,257** | | | **12.912,016** | | |
| **I** | **Văn phòng HĐND và UBND xã làm chủ đầu tư – danh mục vốn đầu tư năm 2026** | **14.051,250** | | | **6.276,016** | | |
| 1 | Xây dựng nhà bảo vệ và nhà để xe ô tô của UBND xã | 589,5 | XDCB ngân sách xã quản lý | 2026 | 541,938 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 2 | Sửa chữa cổng, tường rào sân trụ sở UBND xã | 362 | XDCB ngân sách xã quản lý | 2026 | 359,137 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 3 | Xây dựng trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công | 1.836 | XDCB ngân sách xã quản lý | 2026 | 1.805,158 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 4 | Màn hình LED hội trường UBND xã | 348 | XDCB ngân sách xã quản lý | 2026 | 347,829 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 5 | Mua sắm trang thiết bị trường học | 171 | XDCB ngân sách xã quản lý | 2026 | 168,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 6 | Đường nội thôn Ra Man từ nhà ông Pả Hiền đi nhà ông Pả Kheng | 2.300 | NSTW – CTMTQG, vốn năm 2026 | 2026–2027 | 591,106 | Đang thi công | |
| 7 | Đường ra khu sản xuất từ rẫy ông Hồ Văn Đơ đi đường quốc phòng | 1.800 | NSTW – CTMTQG, vốn năm 2026 | 2026–2027 | 467,236 | Đang thi công | |
| 8 | Đường ra khu sản xuất và đường dân sinh từ trạm biến áp đến đồi Loa | 2.300 | NSTW – CTMTQG, vốn năm 2026 và vốn 2025 kéo dài | 2026–2027 | 249,000 | Đang thi công | |
| 9 | Nối tiếp đường khu sản xuất từ rẫy | 2.300 | NSTW – CTMTQG, | 2026 | 752,043 | Đang thi công | |

| TT | Chủ đầu tư/Tên công trình, dự án | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | Nguồn vốn | Thời gian thực hiện | Khối lượng/giá trị phát sinh từ 01/7/2025 | Tình trạng hiện tại (đang thi công/đã quyết toán/ngừng thi công) | Đã quyết toán hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành (tháng/năm) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | bà Hiền đi rẫy ông Lừm | | vốn 2025 kéo dài sang 2026 | | | | |
| 10 | Đường từ nhà ông Pả Xa Re đi đường quốc phòng | 800 | NSTW – CTMTQG, vốn 2025 kéo dài sang 2026 | 2026 | 274,387 | Đang thi công | |
| 11 | Xây dựng tường rào, nhà vệ sinh nhà văn hóa thôn Đồng Tâm cũ | 755 | NSTW – CTMTQG phát triển văn hóa | 2026 | 236,332 | Đang thi công | |
| 12 | Mua sắm thiết bị hỗ trợ điểm ứng dụng công nghệ thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã A Dơi | 363,75 | NSTW - CTMTQG DTTS&MN, Dự án 10 (10521); vốn 2025 chuyển sang 2026 | 2026 (vốn 2025 chuyển sang) | 357,850 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 13 | Mua sắm máy tính và một số thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số | 126 | Vốn XDCB ngân sách xã (KHCN) | 2026 | 126,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| **II** | **Văn phòng HĐND và UBND xã thực hiện – sửa chữa từ vốn sự nghiệp năm 2025** | **6.900,007** | | | **6.636,000** | | |
| 1 | Sửa chữa đường giao thông nông thôn Xa Doan | 352,007 | NSTW – sự nghiệp CTMTQG, Dự án 4 | 2025 | 350,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 2 | Sửa chữa Trường Mầm non A Dơi, điểm trường Prin Thành | 500 | NSTW – sự nghiệp CTMTQG, Dự án 4 | 2025 | 393,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 3 | Sửa chữa Trường Mầm non A Dơi, điểm trường A Dơi Cô | 322 | NSTW – sự nghiệp CTMTQG, Dự án 4 | 2025 | 322,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 4 | Sửa chữa Trường Mầm non A Dơi, điểm trường trung tâm | 550 | NSTW – sự nghiệp CTMTQG, Dự án 4 | 2025 | 507,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 5 | Sửa chữa Trường TH và THCS A Dơi | 719 | NSTW – sự nghiệp CTMTQG, Dự án 4 | 2025 | 715,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 6 | Sửa chữa đường đi Vầng, Măng | 857 | NSTW – sự nghiệp | 2025 | 852,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết |

| TT | Chủ đầu tư/Tên công trình, dự án | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | Nguồn vốn | Thời gian thực hiện | Khối lượng/giá trị phát sinh từ 01/7/2025 | Tình trạng hiện tại (đang thi công/đã quyết toán/ngừng thi công) | Đã quyết toán hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành (tháng/năm) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Sông | | CTMTQG, Dự án 4 | | | | toán |
| 7 | Sửa chữa đường từ Km31 tỉnh lộ Lìa vào khu giãn dân Bản Cợp thôn Vầng | 980 | NSTW – sự nghiệp CTMTQG, Dự án 4 | 2025 | 974,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 8 | Sửa chữa đường từ Ủy ban cũ đi Cu Te Diêu thôn Ba Long | 620 | NSTW – sự nghiệp CTMTQG, Dự án 4 | 2025 | 616,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 9 | Sửa chữa đường đi qua rẫy ông Pa Giang thôn Ra Man | 950 | NSTW – sự nghiệp CTMTQG, Dự án 4 | 2025 | 908,000 | Đã hoàn thành | Đang quyết toán |
| 10 | Sửa chữa đường cây xoài thôn Troan La Reo | 1.050 | NSTW – sự nghiệp CTMTQG, Dự án 4 | 2025 | 999,000 | Đã hoàn thành-chưa quyết toán | Đang quyết toán |
| **III** | **Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã thực hiện – sửa chữa từ vốn sự nghiệp năm 2026** | **580** | | | **0** | | |
| 1 | Sửa chữa, bảo dưỡng tuyến đường từ đường 587 đi Cu Tiêng, xã A Dơi | 580 | NSTW – sự nghiệp CTMTQG năm 2026 | 2026 | Chưa phát sinh | Đang trong quá trình chuẩn bị thực hiện | |